

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 01 tháng 11 năm 2019
V/v: “*Ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Liên và bà H' Mơ Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu, Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 01/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị Thúy N, sinh năm 1990 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 76, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai - Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1987 - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: 1065- 7, Yokokura, Oyama-shi, Tochigi, Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vương Thị Thúy N trình bày: Chị và anh Phạm Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 06/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không còn tiếng nói chung trong cuộc sống, mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải,

khuyên ngăn nhưng không thành; Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được được. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung là cháu Phạm Vương Bảo T, sinh ngày 01/8/2011, hiện chị đang nuôi dưỡng cháu T. Hiện tại anh D đang làm việc tại N, nguyện vọng của chị là được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh D không có tài sản chung, cũng không có nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn D trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Vương Thị Thuý N, đúng như chị N đã trình; Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân giữa hai vợ chồng. Việc chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung là cháu Phạm Vương Bảo T, sinh ngày 01/8/2011; Anh cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T. Tuy nhiên, hiện tại anh đang làm việc tại Nhật Bản, anh đồng ý giao cháu T cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án; Những người tham gia tố tụng được thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Thuý N, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vương Thị Thuý N và anh Phạm Văn D là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh D và chị N có một con chung là cháu Phạm Vương Bảo T, sinh ngày 01/8/2011; Hiện tại, anh D đang làm việc tại Nhật Bản, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ,

toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Thuý N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Thuý N và anh Phạm Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K vào ngày 06/4/2011. Các đương sự đều thừa nhận, sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong quan điểm khi sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nữa, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N và xử cho chị N được ly hôn anh D.

[3] Về con chung: Chị N và anh D có một con chung là cháu Phạm Vương Bảo T, sinh ngày 01/8/2011. Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; Anh D cũng đồng ý để chị N nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu Phạm Vương Bảo T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh D không có tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Vương Thị Thuý N phải chịu chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 153, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Thị Thuý N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vương Thị Thuý N được ly hôn với anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Vương Bảo T, sinh ngày 01/8/2011 cho chị Vương Thị Thuý N trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu thành niên; Anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Vương Thị Thuý N phải chịu 448.351 đồng tiền chi phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và được khấu trừ 448.351 đồng tiền tạm ứng chi phí uỷ thác mà chị N đã nộp.

4. Về án phí: Chị Vương Thị Thuý N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0012747 ngày 25/02/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vương Thị Thuý N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án; Anh Phạm Văn D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA DS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
-
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huồn

